

Bản án số: **136/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: **15-12-2021**  
V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Sương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Cao Thị Mận.

Bà Đỗ Thị Thu Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2021/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Thông báo số 79/TB-TA ngày 22/11/2021 về việc dời lịch phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Ng đơn:* Chị **Trần Thị N** - sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh **Võ Văn T** - sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp S, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị N:*

Ông **Lê Hữu T** – luật sư, Công ty Luật TNHH Hãng luật Roma – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở: 59/3/14 Đ, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Ng đơn chị Trần Thị N trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Võ Văn T chung sống với nhau từ năm 2009, đến năm 2010 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc, thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn. Ng nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, từ năm 2017 đến nay anh

chị không còn chung sống với nhau, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nhận thấy tình cảm dành cho anh T không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Anh chị có 02 con chung tên là Võ Trần Thành Đ, sinh ngày 18/02/2011 và Võ Trần Đình Ng, sinh ngày 27/11/2012, từ khi anh chị ly thân thì cháu Đ ở với anh T, cháu Ng ở với chị N. Do đó, nay chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn T trình bày:* anh T thống nhất với lời trình bày của chị N về điều kiện kết hôn, về Ng nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh xác định không còn tình cảm với chị N, tuy Nên anh không đồng ý ly hôn vì anh chị chưa chia tài sản chung.

Về con chung: Trường hợp tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn thì anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Trần Thành Đ, giao cháu Võ Trần Đình Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong vụ án này, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Ý kiến của Luật sư - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị N:* Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện chị N, anh T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị N trình bày vợ chồng anh chị luôn bất đồng từ quan điểm, suy nghĩ đến việc làm nên thường xuyên cãi nhau, mất đoàn kết, anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Mục đích của hôn nhân là được yêu thương, quan tâm, chia sẻ những khó khăn và hạnh phúc, tuy Nên, cả hai anh chị đều không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy, mục đích hôn nhân của anh T, chị N không Đ được. Theo khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở.

Về con chung: Cháu Võ Trần Thành Đ đang sống với anh T tại Đồng Nai, cháu Võ Trần Đình Ng đang sống với chị N tại Quảng Ngãi. Do các cháu lâu nay sinh sống, học tập ổn định tại các địa phương, nên chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng, giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con, là có cơ sở, hợp tình, hợp pháp; đảm bảo tính ổn định trong việc hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của con chung.

Về tài sản chung: chị N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có, chị N không yêu cầu giải quyết.

Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N.

\* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:*

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N: chị N được ly hôn với anh T; đề nghị giao cháu Võ Trần Thành Đ, sinh ngày 18/02/2011 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Võ Trần Đình Ng, sinh ngày 27/11/2012 cho chị N nuôi dưỡng, đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N, anh T; Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N, anh Võ Văn T, ông Lê Hữu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh T, ông T tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N, anh Võ Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N nhận thấy: chị N cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, Ng nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T vì vợ chồng không thể hàn gắn. Anh T thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay; anh xác định **không còn tình cảm gì với chị N nhưng do anh chị chưa chia tài sản chung nên anh không đồng ý ly hôn.**

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Như vậy, chị N và anh T đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

- Cháu Võ Trần Thành Đ, sinh ngày 18/02/2011 từ trước đến nay sống với anh T, cháu có nguyện vọng ở với ba; cháu Võ Trần Đình Ng, sinh ngày 27/11/2012 từ trước đến nay sống với chị N, cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Chị N, anh T đều thống nhất giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Võ Trần Thành Đ cho anh Võ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Võ Trần Đình Ng cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là

phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị N, anh Võ Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu giải quyết; anh Võ Văn T trình bày vì anh chị chưa chia tài sản chung nên anh không đồng ý ly hôn, tuy Nên, trong vụ án này anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, không xem xét giải quyết về tài sản chung.

[7] Về nợ chung: Chị N, anh T khai không có nên không xem xét.

[8] Xét ý kiến của Luật sư, Kiểm sát viên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, quy định pháp luật; phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Trần Thành Đ, sinh ngày 18/02/2011 cho anh Võ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Võ Trần Đình Ng, sinh ngày 27/11/2012 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Chị Trần Thị N, anh Võ Văn T được quyền thăm nom con chung nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết, chị Trần Thị N, anh Võ Văn T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị N, anh Võ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị N, anh Võ Văn T khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí:

- Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự

sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Trần Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0004976 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND phường, xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Sương**